

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG HẢI PHÒNG

Số: 1206 /QĐ-CHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 4 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin  
của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng ngày 27/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 24/7/2014 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Tờ trình Tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị số 23/THYK-HĐQT ngày 03/4/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-CHP ngày 06 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt nội dung Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty, các Chi nhánh, Đơn vị, Phòng ban và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy Công ty;
- Công đoàn Công ty;
- ĐTN Công ty;
- Website công ty;
- Lưu: T.ký Công ty, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



PHÙNG XUÂN HÀ

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-CHP ngày 06 tháng 4 năm 2015  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định quy trình, thủ tục, nội dung công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và cổ đông Công ty.

**Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin**

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp các nhà đầu tư, khách hàng nắm được thực trạng hoạt động của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét đặt các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và những người liên quan đến Công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:
  - a. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.
  - b. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty.
  - c. “Người đại diện pháp luật của Công ty”: là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.
  - d. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.
  - e. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.
  - f. “Công bố thông tin định kỳ” là việc Công ty công bố thông tin theo quý, bán niên (06 tháng) hoặc năm theo quy định của pháp luật;
  - g. “Công bố thông tin bất thường” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường;

h. “Công bố thông tin theo yêu cầu” là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tập trung;

i. “UBCKNN” là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước;

k. “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;

l. “TTLKCK” là Trung tâm lưu ký chứng khoán;

m. IDS (Information Disclosure System): Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin công ty đại chúng của UBCKNN, bao gồm Hệ thống thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Phần mềm hỗ trợ công bố thông tin trên IDS.

n. “website” của Công ty được hiểu là trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty, các quy định khác của Công ty và pháp luật hiện hành.

#### **Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin**

1. Công ty lập hồ đăng ký công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN sau khi trở thành công ty đại chúng.

2. Việc công bố thông tin phải do Người đại diện pháp luật của Công ty (Tổng Giám đốc) hoặc người được Người đại diện pháp luật của Công ty uỷ quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp có bất kỳ người nào công bố thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Tổng Giám đốc hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.

4. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

5. Công ty khi thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty (website) phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK.

6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên website của Công ty. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày Công ty gửi fax, dữ liệu điện tử tới UBCKNN, SGDCK và ngày UBCKNN, SGDCK nhận được công bố bằng văn bản.

7. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là Tiếng Việt (trừ trường hợp pháp luật hiện hành quy định thêm loại ngôn ngữ khác).

#### **Điều 5. Người công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin có thể là cán bộ nhân viên Công ty hoặc cán bộ nhân viên của tổ chức được Công ty ký hợp đồng thuê làm dịch vụ Quan hệ nhà đầu tư.

#### **Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin**

1. Phương tiện công bố thông tin

a. Các phương tiện công bố thông tin của Công ty: Báo cáo thường niên, website và các ấn phẩm khác của Công ty;

Trang thông tin điện tử phải có các chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính định kỳ phải công bố theo quy định và các vấn đề liên quan đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, website phải thường xuyên cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.

b. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin IDS, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

c. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

d. Phương tiện thông tin đại chúng khác như báo, đài...

2. Hình thức công bố thông tin

a. Các tài liệu, báo cáo gửi UBCKNN được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN.

Các thông tin phục vụ việc công bố được trình bày theo mẫu quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

b. Công ty có trách nhiệm đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin (IDS) theo hướng dẫn của UBCKNN.

#### **Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng, cán bộ phụ trách công bố thông tin phải lập báo cáo bằng

văn bản được Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền ký và gửi đến UBCKNN và thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

2. Trường hợp IDS của UBCKNN hoặc hệ thống công nghệ thông tin của Công ty gặp sự cố dẫn đến không gửi được báo cáo cho UBCKNN, thì cán bộ phụ trách công bố thông tin phải báo ngay cho UBCKNN bằng điện thoại trong ngày làm việc, đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản hoặc file điện tử có chữ kí số theo hướng dẫn của UBCKNN.

Công ty thực hiện gửi lại báo cáo ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

### **Điều 8. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin**

1. Công ty bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định pháp luật hiện hành kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng do TTLKCK công bố.

2. Sau một (01) năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do TTLKCK công bố, Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với công ty đại chúng hoặc tổ chức niêm yết theo quy định pháp luật.

### **Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt nội dung thông tin cần công bố của Hội đồng quản trị Công ty**

1. Những nội dung sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi công bố:

- a. Báo cáo định kỳ phải công bố theo quy định của pháp luật;
- b. Tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội cổ đông;
- c. Các thông tin có thể dự báo được về kết quả kinh doanh của Công ty;
- d. Báo cáo phân tích về tình hình thực tế và các sự kiện phát sinh xảy ra trong Công ty và tác động của nó đến kết quả kinh doanh nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể có cái nhìn rõ hơn về hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- e. Thông tin về các chính sách đối với cổ đông;
- f. Thông tin về kế hoạch đầu tư và kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;

2. Người công bố thông tin có trách nhiệm công bố chính xác và đầy đủ nội dung thông tin Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

## **Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt nội dung thông tin cần công bố của Tổng Giám đốc Công ty**

1. Tổng Giám đốc có quyền và trách nhiệm phê duyệt những nội dung thông tin cần công bố không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Trong phạm vi nội dung thông tin thuộc thẩm quyền phê duyệt, Tổng Giám đốc có quyền phân công cho các Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin sẽ được công bố thuộc phạm vi chuyên môn của mỗi cá nhân.

## **CHƯƠNG II**

### **QUY TRÌNH, NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 11. Quy trình công bố thông tin**

Các thông tin nội bộ của Công ty được công bố phải được thực hiện theo các trình tự và thủ tục như sau:

##### **1. Gửi thông tin**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức báo cáo, cung cấp nội dung theo hướng dẫn tại Quy chế này gửi Thư ký công ty.

Các bộ phận cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung công bố.

##### **2. Xử lý thông tin**

Thư ký công ty tiếp nhận báo cáo, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin, hoàn thiện báo cáo theo mẫu quy định.

##### **3. Trình người có thẩm quyền phê duyệt**

Thư ký công ty trình Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác có thẩm quyền phê duyệt nội dung báo cáo trước khi thực hiện công bố.

##### **4. Báo cáo và công bố**

Cán bộ phụ trách công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định: gửi báo cáo cho UBCKNN, đăng website Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu được yêu cầu).

##### **5. Bảo quản và lưu trữ thông tin**

Công ty thực hiện việc bảo quản và lưu trữ thông tin công bố (dạng văn bản và dữ liệu điện tử) tại trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 12. Công bố thông tin định kỳ**

##### **1. Báo cáo tài chính năm**

a. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày,

kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

b. Nội dung công bố Báo cáo tài chính năm bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

- Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và Báo cáo kiểm toán. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật kế toán;

- Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý/ thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

- Tài liệu báo cáo và công bố thông tin gồm: File định dạng Excel (theo mẫu của UBCKNN) và Bản gốc kèm thuyết minh báo cáo tài chính được gửi dưới dạng đính kèm.

c. Phương tiện công bố thông tin

- Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang website của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;

- Đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo.

d. Thư ký công ty có trách nhiệm cung cấp biểu mẫu theo quy định của UBCKNN đối với Báo cáo Tài chính năm cho Phòng tài chính kế toán thực hiện hoàn thiện nội dung.

Phòng tài chính kế toán hoàn thành báo cáo trước thời hạn phải công bố thông tin ít nhất năm (05) ngày làm việc và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

e. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Báo cáo Tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản, dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.

2. Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm tài chính)

a. Công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét;

Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty;

b. Nội dung Báo cáo tài chính bán niên

- Nội dung Báo cáo tài chính bán niên được công bố tương tự như Báo cáo tài chính năm;

- Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý/ thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó;

- Tài liệu báo cáo và công bố thông tin gồm: File định dạng Excel (theo mẫu của UBCKNN) và Bản gốc kèm thuyết minh báo cáo tài chính được gửi dưới dạng đính kèm.

c. Thời hạn và phương tiện công bố thông tin

- Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác thì thời hạn công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được soát xét và Báo cáo tài chính bán niên của Công ty là sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính

- Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên website của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC.

d. Thư ký công ty có trách nhiệm cung cấp biểu mẫu theo quy định của UBCKNN đối với Báo cáo Tài chính bán niên cho Phòng tài chính kế toán thực hiện hoàn thiện nội dung.

Phòng tài chính kế toán hoàn thành báo cáo trước thời hạn phải công bố thông tin ít nhất năm (05) ngày làm việc và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.



#### e. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Báo cáo Tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản, dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.

#### 3. Báo cáo tài chính quý

a. Công ty công bố thông tin Báo cáo tài chính quý của Công ty trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác thì thời hạn công bố thông tin về Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính quý hợp nhất là bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

#### b. Nội dung Báo cáo tài chính quý

- Nội dung Báo cáo tài chính quý tương tự Báo cáo tài chính năm;
- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa Báo cáo tài chính quý của kỳ công bố so với Báo cáo tài chính quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó của Công ty và trong Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu Công ty có công ty con);

- Tài liệu báo cáo và công bố thông tin gồm: File định dạng Excel (theo mẫu của UBCKNN) và Bản gốc kèm thuyết minh báo cáo tài chính được gửi dưới dạng đính kèm.

c. Công ty công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

d. Thư ký công ty có trách nhiệm cung cấp biểu mẫu theo quy định của UBCKNN đối với Báo cáo Tài chính quý cho Phòng tài chính kế toán thực hiện hoàn thiện nội dung.

Phòng tài chính kế toán hoàn thành báo cáo trước thời hạn phải công bố thông tin ít nhất năm (03) ngày làm việc và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

#### e. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Báo cáo Tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản, dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.

#### 4. Báo cáo thường niên

a. Công ty thực hiện công bố Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

b. Nội dung công bố Báo cáo thường niên tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

c. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo thường niên trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;

Công ty gửi bản gốc Báo cáo thường niên dưới dạng file đính kèm;

d. Thư ký công ty hoàn thiện nội dung báo cáo trước thời hạn phải công bố thông tin ít nhất năm (05) ngày làm việc và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

Các Phòng chuyên môn có trách nhiệm hỗ trợ cung cấp thông tin cần thiết cho Thư ký công ty.

e. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Báo cáo Tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản, dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.

5. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

a. Định kỳ sáu (06) tháng và năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty. Báo cáo tình hình quản trị Công ty phải được công bố chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

b. Nội dung công bố Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tuân thủ pháp luật hiện hành.

c. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Công ty (bán niên) trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;

Công ty gửi bản gốc Báo cáo thường niên dưới dạng file đính kèm;

d. Thư ký công ty hoàn thiện nội dung báo cáo trước thời hạn phải công bố thông tin ít nhất năm (05) ngày làm việc và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

Các Phòng chuyên môn có trách nhiệm hỗ trợ cung cấp thông tin cần thiết cho Thư ký công ty.

6. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a. Công ty đại chúng phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDCK và báo cáo UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;

b. Công ty phải công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trước khi khai mạc cuộc họp chậm nhất là mười lăm (15) ngày trên website của Công ty;

c. Thư ký công ty hoàn thiện nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông trước thời hạn phải công bố thông tin ít nhất (03) ngày làm việc. Các Phòng chuyên môn có trách nhiệm hỗ trợ cung cấp thông tin cần thiết cho Thư ký công ty;

d. Công ty phải công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

7. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

a. Khi thực hiện chào bán chứng khoán, Công ty phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

b. Trường hợp Công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

c. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Công ty phải công bố thông tin về lý do và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về sự thay đổi đó trước khi có sự thay đổi.

d. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

### **Điều 13. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây.

a. Công ty bị tổn thất tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

b. Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của công ty vào một tổ chức khác; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng vốn của công ty nhận vốn góp; thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

c. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của công

ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

d. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

e. Khi giá chứng khoán niêm yết của công ty tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên;

f. Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán.

g. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

h. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

i. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kèm theo Biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

j. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu của công ty mình hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

k. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị (kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu;

l. Báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính; công bố công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm; thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc việc từ chối kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán; kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính (nếu có);

m. Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc/Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc/Phó tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán);

n. Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Thành viên Ban kiểm soát của công ty; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

o. Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;

q. Công ty nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

r. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại TTLKCK;

s. Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

2. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ trong các trường hợp sau:

a. Khi có quyết định về việc thành lập, mua, bán hoặc giải thể công ty con, đầu tư hoặc không còn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

b. Kể từ khi được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

3. Công ty phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

#### **Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK, trong các sự kiện sau đây:

a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Công ty công bố thông tin theo yêu cầu trên các ấn phẩm, website của Công ty, phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 15. Công bố thông tin về việc cá nhân, tổ chức chào mua công khai cổ phiếu của quyền biểu quyết của Công ty**

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chào mua công khai gửi tài liệu đăng ký đến UBCKNN và Công ty;

Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên website của Công ty, UBCKNN và SGDCK;

Việc công bố thông tin trên phải đính kèm văn bản đề nghị chào mua.

2. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Công ty nhận được tài liệu đăng ký chào mua công khai một phần hoặc toàn số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, Công ty phải gửi thông tin về ý kiến của Hội đồng quản trị đối với đề nghị chào mua công khai tới UBCKNN (văn bản và dữ liệu điện tử) và đăng tải trên website của Công ty.

3. Bên chào mua phải báo cáo UBCKNN việc rút lại đề nghị chào mua đối với Công ty và phải công bố công khai việc rút lại đề nghị chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp sau khi được UNCKNN chấp thuận.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN, bên chào mua công khai phải công bố công khai việc chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp, phương tiện công bố thông tin của SGDCK nơi Công ty niêm yết. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên website của Công ty.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải thông báo cho UBCKNN về việc tiếp tục chào mua công khai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua theo quy trình trên.

6. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của SGDCK.

**Điều 16. Công bố thông tin về việc Công ty mua, bán cổ phiếu quỹ**

1. Tài liệu mua lại, bán cổ phiếu phải gửi báo cáo cho UBCKNN

a. Mua lại cổ phiếu quỹ

- Báo cáo về việc mua lại cổ phiếu;

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc mua lại với tỷ lệ theo luật định.

- Văn bản xác nhận việc chỉ định thực hiện giao dịch của Công ty chứng khoán;

- Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại cổ phiếu;

- Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.

b. Bán cổ phiếu quỹ

- Báo cáo về việc bán cổ phiếu quỹ;

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua việc bán cổ phiếu quỹ;

- Văn bản xác nhận việc chỉ định thực hiện giao dịch của Công ty chứng khoán;

- Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.

c. Tài liệu gửi đến UBCKNN gồm file excel theo mẫu của UBCKNN và đính kèm bản gốc.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo việc mua lại/bán cổ phiếu, Công ty phải công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK và website của Công ty.

3. Công ty phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố thông tin về quyết định thay đổi việc mua lại/bán cổ phiếu quỹ trên website của Công ty và SGDCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi việc mua lại, bán cổ phiếu quỹ.

4. Công ty chỉ được thực hiện thay đổi việc mua lại/bán cổ phiếu quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN. Công ty thông báo về việc thay đổi trên website Công ty đồng thời gửi cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận.

5. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và đăng tải trên website của Công ty. Trong trường hợp Công ty không thực

hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến mua lại/bán, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố lý do không hoàn thành.

Báo cáo kết quả giao dịch gửi đến UBCKNN gồm file excel theo mẫu của UBCKNN và đính kèm bản gốc.

#### **Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn**

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải báo cáo về sở hữu cho công ty đại chúng, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên cho Công ty, UBCKNN, SGDCK.

3. Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (05%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (01%) nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được xác định như sau:

a. Trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;

b. Trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;

c. Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu: thời điểm được tính kể từ lúc Công ty hoàn thành việc chào bán.

#### **Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan**

1. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc.

Thời hạn giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về



kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

3. Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về lý do không thực hiện được giao dịch.

4. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của Công ty trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

5. Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với cổ đông nội bộ.

#### **Điều 19. Trách nhiệm công bố thông tin của đối tượng khác**

Đối với các thông tin phải công bố thuộc nghĩa vụ của các đối tượng khác (không phải Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng) thì các đối tượng này phải tự thực hiện việc công bố theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

#### **Điều 20. Phối hợp công bố thông tin**

1. Cán bộ phụ trách công bố thông tin, cán bộ phụ trách kỹ thuật tin học đã được Công ty đăng ký chức danh với UBCKNN phải thường xuyên trao đổi, cập nhật thông tin từ UBCKNN về tình trạng báo cáo cũng như các nội dung kỹ thuật khác có liên quan đến hệ thống công bố thông tin IDS của UBCKNN.

Đảm bảo việc công bố thông tin của Công ty được thông suốt, đúng thời hạn, đúng nội dung theo quy định hiện hành.

2. Thư ký công ty thực hiện việc hỗ trợ cán bộ phụ trách công bố thông tin trong việc hoàn thiện nội dung báo cáo, nội dung khác cần công bố.

3. Các Phòng chuyên môn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Thư ký công ty, cán bộ công bố thông tin trong việc cung cấp số liệu báo cáo theo quy định của Quy chế này và pháp luật hiện hành

### **CHƯƠNG III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát, các cổ đông, cán bộ nhân viên Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đúng đắn Quy chế này.

##### **Điều 22 Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.